

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hà và bà Lê Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLST-HS, ngày 13 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Quốc A, tên gọi khác: không, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1986 tại tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Tổ 6, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Anh Đ, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1962. Có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Đình C, sinh năm 1985 – Địa chỉ: Tổ 1, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Anh Bùi Quang V, sinh năm 1983 – Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Anh Trần Quốc T, sinh năm 1984 – Địa chỉ: Tổ 14, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Anh Lê Hoàng G, sinh năm 1988 – Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023 tại địa bàn thành phố Y, tỉnh Yên Bái, Phạm Quốc A đã cho nhiều người vay tiền và đều thỏa thuận với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày và thống nhất trả lãi theo tháng (mỗi tháng là 30 ngày), tương ứng với mức lãi suất 108%/năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

- Ngày 20/9/2022 Phạm Quốc A đã cho anh Lê Hoàng G vay số tiền 30.000.000 đồng. Quốc A đã sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV số 37110000147372 của mình chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng Viettin Bank số 106869481354 của anh G số tiền 20.000.000 đồng và đưa cho anh G 10.000.000 đồng tiền mặt. Mỗi tháng anh G trả lãi cho Quốc A 2.700.000 đồng. Anh G đã trả tiền lãi cho Quốc A đến tháng 7/2023 (10 tháng) số tiền lãi là 27.000.000 đồng. Sau đó Quốc A không tính lãi với anh G nữa.

Theo quy định của pháp luật thì mức lãi suất cao nhất được phép thu là $(20\%:12 \text{ tháng}) \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} = 5.000.000 \text{ đồng}$. Quốc A đã thu lợi bất chính là: 27.000.000 đồng - 5.000.000 đồng = 22.000.000 đồng.

Anh G đã trả cho Quốc A số tiền gốc 1.000.000 đồng và nợ lại Quốc A 29.000.000 đồng.

- Cũng với hình thức và lãi suất như cho anh G vay nêu trên, Quốc A cho anh Hoàng Đình C vay 03 lần, Quốc A dùng số tài khoản ngân hàng BIDV có số 37110000147372 của mình chuyển tiền cho vay vào số tài khoản 09129859999 ngân hàng MB Bank của anh C, hàng tháng anh C trả lãi cho Quốc A bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 20/9/2022 Quốc A cho anh C vay số tiền 20.000.000 đồng và có viết giấy vay nợ nhưng không ghi lãi suất, anh C đã trả lãi cho Quốc A đến ngày 02/5/2023 (2 bên thống nhất là 07 tháng 15 ngày) với tổng số tiền lãi là 13.500.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 7,5 \text{ tháng} = 2.500.000 \text{ đồng}$. Quốc A đã thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng – 2.500.000 đồng = 11.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 29/10/2022, Quốc A cho anh C vay số tiền 15.000.000 đồng, anh C trả lãi khoản vay đến ngày 02/5/2023 (thống nhất tính lãi 06 tháng) với số tiền lãi 8.100.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 15.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} = 1.500.000 \text{ đồng}$; Quốc A đã thu lợi bất chính là 8.100.000 đồng – 1.500.000 đồng = 6.600.000 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 21/11/2022, Quốc A cho anh C vay số tiền 15.000.000 đồng, anh C trả lãi khoản vay này đến ngày 02/5/2023 (Quốc A tính lãi 05 tháng) với số tiền lãi 6.750.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 15.000.000 \text{ đồng} \times$

05 tháng = 1.250.000 đồng; Quốc A đã thu lời bất chính là 6.750.000 đồng – 1.250.000 đồng = 5.500.000 đồng.

Tổng số tiền Quốc A thu lợi bất chính của anh C từ việc vay lãi nặng là 23.100.000 đồng. Anh C đã trả hết tiền gốc các lần vay cho Quốc A.

- Cùng với hình thức và lãi suất như trên, Quốc A cho anh Bùi Quang V vay 02 lần, khi cho vay Quốc A đã dùng số tài khoản ngân hàng BIDV số 37110000147372 của mình chuyển tiền vay vào số tài khoản 19031950258989 ngân hàng Techcombank của anh V, hàng tháng anh V trả lãi cho Quốc A bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 19/9/2022 Quốc A cho anh V vay 10.000.000 đồng, anh V đã trả lãi cho Quốc A đến hết ngày 04/7/2023 (9 tháng 15 ngày) với số tiền 8.550.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 9,5 \text{ tháng} = 1.583.333 \text{ đồng}$; Quốc A đã thu lời bất chính là 8.550.000 đồng – 1.583.333 đồng = 6.966.667 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 05/7/2022 Quốc A cho anh V vay 10.000.000 đồng và thống nhất gộp tiền vay gốc ngày 19/9/2022 với lần này để tính tổng tiền gốc là 20.000.000 đồng, anh V trả lãi mỗi tháng 1.800.000 đồng, khoản vay này anh V đã trả lãi cho Quốc A 5 tháng 15 ngày với số tiền 9.900.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 5,5 \text{ tháng} = 1.833.333 \text{ đồng}$, Quốc A thu lời bất chính là 9.900.000 đồng – 1.833.333 đồng = 8.066.667 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Quốc A đã thu lời bất chính khi cho anh Bùi Quang V vay là: 15.033.000 đồng (đã làm tròn số). Hiện anh V chưa trả tiền gốc cho Quốc A số tiền 20.000.000 đồng.

- Cùng với hình thức và lãi suất như trên. Quốc A đã cho anh Trần Quốc T vay 04 lần. Khi cho vay tiền Quốc A đã dùng số tài khoản ngân hàng BIDV số 37110000147372 của mình chuyển tiền vay vào số tài khoản 0868010666 ngân hàng MB Bank của anh T, hàng tháng anh T trả lãi cho Quốc A bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 13/6/2023, Quốc A cho anh T vay số tiền 20.000.000 đồng. anh T vay trong 01 tháng và đã trả lãi số tiền 1.800.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} = 333.333 \text{ đồng}$, Quốc A đã thu lời bất chính là 1.800.000 đồng – 333.333 đồng = 1.466.667 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 31/7/2023, Quốc A cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng. anh T vay trong 01 tháng và đã trả lãi số tiền 900.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} = 166.667 \text{ đồng}$, Quốc A đã thu lời bất chính là 900.000 đồng – 166.667 = 733.333 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 12/9/2023, Quốc A cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, vay trong 03 tháng và đã trả lãi Quốc A số tiền 2.700.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} = 500.000 \text{ đồng}$, Quốc A đã thu lãi bất chính là $2.700.000 \text{ đồng} - 500.000 \text{ đồng} = 2.200.000 \text{ đồng}$.

Lần thứ tư: Ngày 24/10/2023, Quốc A cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, vay trong 01 tháng và đã trả lãi số tiền 900.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} = 166.667 \text{ đồng}$, Quốc A đã thu lãi bất chính là $900.000 \text{ đồng} - 166.667 \text{ đồng} = 733.333 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Quốc A đã thu lãi bất chính khi cho anh Trần Quốc T vay là: 5.133.000 đồng (đã làm tròn số). Hiện anh T đã trả hết số tiền gốc các khoản vay trên cho Quốc A.

Các lần vay trên, anh T không viết giấy vay nợ; anh C, anh G và anh V đều viết giấy vay nợ nhưng chỉ ghi nợ số tiền gốc và không ghi lãi suất. Hiện các giấy vay nợ của anh G, anh V đã bị mất, còn 01 giấy biên nhận vay tiền với anh C, bị cáo đã giao nộp và là tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Tổng số tiền Phạm Quốc A thu lãi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự khi cho 04 người vay nêu trên là: $22.000.000 \text{ đồng} + 23.100.000 \text{ đồng} + 15.033.000 \text{ đồng} + 5.133.000 \text{ đồng} = 65.266.333 \text{ đồng}$.

Tiến hành khám xét nơi ở của Quốc A vào hồi 16 giờ ngày 22-12-2023, tại tổ 6, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, kết quả không thu giữ gì.

Bản Cáo trạng số 23/CT-VKSYP-2, ngày 11-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Phạm Quốc A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Ngày 11-3-2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái ra Quyết định số 01/QĐ-VKS-P2 phân công Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái thực hiện quyền công tố, kiểm sát xét xử đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Phạm Quốc A từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- + Tịch thu của bị cáo số tiền gốc những người vay tiền đã trả là 101.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật

Dân sự mà bị cáo đã thu được của người vay là 14.833.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu từ anh Bùi Quang V số tiền 20.00.000 đồng và anh Lê Hoàng G số tiền 29.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo phải trả số tiền thu lợi bất chính cho người vay là 65.266.000 đồng. Trong đó: Trả cho anh Lê Hoàng G 22.000.000 đồng; trả cho anh Hoàng Đình C 23.100.000 đồng; trả cho anh Bùi Quang V: 15.033.000 đồng; trả cho anh Trần Quốc T 5.133.000 đồng.

- Về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai báo thành khẩn, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì, xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai và không có yêu cầu, đề nghị gì. Do đó, việc vắng mặt họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử khách quan, toàn diện đối với vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023 tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Phạm Quốc A đã cho các anh Lê Hoàng G, Hoàng Đình C, Bùi Quang V và Trần Quốc T vay tiền với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và thống nhất trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính 30 ngày), tương ứng với mức lãi suất 108%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, Quốc A đã thu lợi bất chính của anh G số tiền là 22.000.000 đồng, của anh C số tiền là 23.100.000 đồng, của anh V số tiền là 15.033.000 đồng và của anh T số tiền 5.133.333 đồng. Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 65.266.333 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố đối với bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng

trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức để điều chỉnh mọi hoạt động của bản thân, biết việc cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao gấp nhiều lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép nhưng vì muốn kiếm tiền bất chính, bị cáo đã cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình tham gia tố tụng, bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là vì lợi nhuận nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

+ Đối với số tiền gốc những người vay tiền đã trả cho bị cáo là 101.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 14.833.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền gốc người vay chưa trả cho bị cáo là 49.000.000 đồng, đây là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu từ anh Bùi Quang V số tiền 20.000.000 đồng và anh Lê Hoàng G số tiền 29.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền 65.266.000 đồng bị cáo thu lời bất chính cần trả lại cho người vay. Trong đó: Trả cho anh Lê Hoàng G 22.000.000 đồng; trả cho anh Hoàng Đình C 23.100.000 đồng; trả cho anh Bùi Quang V: 15.033.000 đồng; trả cho anh Trần Quốc T 5.133.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[10] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc A phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc A 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu của bị cáo Phạm Quốc A số tiền gốc những người vay đã trả là 101.000.000 (một trăm linh một triệu) đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được là 14.833.000 (mười bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu từ anh Bùi Quang V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và anh Lê Hoàng G số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo phải trả số tiền thu lợi bất chính cho người vay gồm:

Trả cho anh Lê Hoàng G 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng;

Trả cho anh Hoàng Đình C 23.100.000 (hai mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng;

Trả cho anh Bùi Quang V 15.033.000 (mười lăm triệu không trăm ba mươi ba nghìn) đồng;

Trả cho anh Trần Quốc T 5.133.000 (năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- CQCSĐT Công an tỉnh Yên Bái;
- Phòng HSNV CA tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Bị cáo (1);
- Người có QL, nghĩa vụ liên quan (4);
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hà Thị Thu Hương